

## **PHỤ LỤC THUYẾT MINH VỀ DANH MỤC HÀNG HOÁ XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM PHIÊN BẢN 2022**

**1. Về Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu Việt Nam 2022**(Chi tiết tại Phụ lục I)

Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/06/2014 có quy định: “*Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam gồm mã số, tên gọi, mô tả hàng hóa, đơn vị tính và các nội dung giải thích kèm theo. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa*”.

Cụ thể, Danh mục Hải hòa Mô tả và Mã hóa Hàng hóa (HS) của Tổ chức Hải quan thế giới (WCO) được sửa đổi, bổ sung theo kỳ hạn 5 năm 1 lần nhằm cập nhật các mặt hàng có thay đổi về công nghệ, kỹ thuật, thương mại cho phù hợp với tình hình thực tế. Tiếp sau phiên bản HS2017, phiên bản Danh mục HS 2022 đã được WCO xây dựng và phê chuẩn vào ngày 28/06/2019, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022.

Danh mục Biểu thuế Hải hòa ASEAN (AHTN) cũng được định kỳ sửa đổi 5 năm 1 lần trên cơ sở những sửa đổi của Danh mục HS. Trên cơ sở phiên bản Danh mục HS 2022 của Tổ chức hải quan thế giới, Danh mục AHTN 2022 được các nước ASEAN rà soát, xây dựng chi tiết ở cấp độ 8 số để đáp ứng mục tiêu tạo thuận lợi thương mại trong khu vực.

Hiện nay, qua 10 phiên đàm phán giữa các nước ASEAN, Danh mục AHTN phiên bản 2022 đã được hoàn thiện. Theo kế hoạch, Danh mục AHTN 2022 cần nội luật hóa dưới hình thức ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Theo Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam áp dụng thống nhất trong toàn quốc. Đây là căn cứ pháp lý để Bộ trưởng Bộ Tài chính ký ban hành Danh mục dưới hình thức Thông tư của Bộ Tài chính.

**2. Việc xây dựng Thông tư ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo AHTN 2022 là cần thiết để:**

(i) Đảm bảo tuân thủ việc thực thi Công ước HS, Nghị định thư ASEAN về hải quan đã được ký kết ngày 30/3/2012 và Nghị định thư thực hiện Danh mục thuế quan hải hòa ASEAN đã được ký kết vào ngày 7/8/2003 và Nghị định thư sửa đổi bổ sung năm 2004, 2010.

(ii) Cập nhật kịp thời những thay đổi về công nghệ, thương mại và phân loại hàng hóa trên cơ sở sửa đổi, bổ sung danh mục AHTN 2017 hiện hành để

phù hợp với tình hình thực tế và nhu cầu thị trường; đảm bảo hài hòa với hệ thống mô tả, chú giải và mã hàng quốc tế giai đoạn mới;

(iii) là cơ sở pháp lý để Bộ Tài chính xây dựng Biểu thuế xuất khẩu, nhập khẩu ưu đãi (MFN), các biểu thuế ưu đãi đặc biệt (FTA) của Việt Nam giai đoạn 2022-2026, phù hợp với cam kết quốc tế, góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế và tạo thuận lợi cho thương mại hàng hóa khu vực và quốc tế.

### **3. Những thay đổi của Dự thảo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo phiên bản AHTN 2022 so với phiên bản AHTN 2017**

3.1 Những dòng hàng đề xuất dịch lại mô tả tiếng Việt (tiếng Anh không thay đổi) để xử lý vướng mắc phát sinh trong quá trình thực tế phân loại hàng hóa: (Chi tiết tại Phụ lục 1).

- Đối với mã số 7603.20.20 có mô tả tiếng Anh là “Powders of lamellar structure” thuộc nhóm “Bột và vảy nhôm”, tại phiên bản 2017 có mô tả tiếng Việt là “*Bột có cấu trúc vảy*”, tuy nhiên bản chất mặt hàng là “*Bột có cấu trúc lớp*”, dẫn đến có vướng mắc trong quá trình phân loại, gây nhầm lẫn với dòng hàng 7603.20.10 “Vảy nhôm” và mô tả tại nhóm 74.06. Do vậy, đề xuất dịch lại là: “*Bột có cấu trúc lớp*”. Hai mã 7603.20.10 và 7603.20.20 đều có thuế suất 0%, do vậy việc điều chỉnh mô tả tiếng Việt không làm ảnh hưởng đến chính sách thuế.

- Đối với mã số 7801.91.00 có mô tả tiếng Anh là “Containing by weight antimony as the principal other element”, tại phiên bản 2017 được dịch là “*Có hàm lượng antimon tính theo trọng lượng theo Bảng các nguyên tố khác trong chú giải phân nhóm chương này*”. Như vậy, mô tả tiếng Việt tại thông tư 65 không sát với tiếng Anh do đưa thêm dẫn chiếu nội dung Bảng các nguyên tố khác. Tuy nhiên, tại Bảng các nguyên tố khác tại Chú giải phân nhóm 1 Chương 78 quy định khái niệm “chì tinh luyện” thì hàm lượng antimon không vượt quá 0.005%. Trong khi dòng hàng 7801.91.00 được dịch là chì chưa gia công, trừ chì tinh luyện có hàm lượng được dẫn chiếu theo Bảng nguyên tố khác, tức là có hàm lượng antimon không vượt quá 0.005%, dẫn đến vướng mắc khi thực hiện. Do đó, Tổng cục Hải quan đề xuất dịch lại là: “*Có hàm lượng antimon tính theo trọng lượng lớn nhất so với hàm lượng của các nguyên tố khác*” để phù hợp với nguyên bản mô tả tiếng Anh và giải quyết vướng mắc.

Với nội dung sửa đổi này thì mặt hàng Chì chưa gia công (trừ chì tinh luyện) “có hàm lượng antimon lớn hơn 0.005% nhưng *lớn nhất so với hàm lượng của các nguyên tố khác*” được chuyển từ dòng hàng 7801.99.00 về dòng hàng 7801.91.00 có cùng các mức thuế suất MFN và các FTA: 0%. Nội dung sửa đổi này phạm vi dòng hàng, không làm ảnh hưởng đến chính sách thuế.

- Thuật ngữ “tufted” tại một số nhóm 57.04, 58.02 đang dịch là “chần”, việc dịch này gây nhầm lẫn với từ “quilted” (cũng đang được dịch là “chần”)

thuộc nhóm 58.11. Theo Chú giải chi tiết HS nhóm 57.03 thì từ "tufted" đã được giải thích rõ là tạo búi. Do vậy, đề xuất dịch từ "tufted" là "tạo búi" để phù hợp với thuật ngữ chuyên ngành và tránh vướng mắc thực tế.

- Tại mô tả của một số nhóm 53.02, 53.03, 53.05, thuật ngữ "tow" đang được dịch là "xơ dạng ngắn", do vậy chưa phản ánh đúng bản chất mặt hàng, chưa thống nhất với cách được dịch là "tô" tại chú giải pháp lý Chương 55, dễ dẫn đến vướng mắc. Do vậy, đề xuất dịch lại là "tô".

- Mã 0810.70.00 có mô tả tiếng Anh "Persimmons" đang được dịch lại là "Quả hồng vàng". Tuy nhiên, trên thực tế loài cây này có thể có quả màu vàng hoặc màu hồng. Nếu dịch như Danh mục cũ thì bị giới hạn phạm vi dòng hàng, do đó loại quả hồng đỏ sẽ được phân loại vào mã 0810.90.99. Tổng cục Hải quan đề xuất dịch lại là "Quả hồng (Persimmons)". Việc dịch lại làm thay đổi phạm vi dòng hàng, tuy nhiên mức thuế suất của hai dòng hàng trên là giống nhau, do vậy không làm ảnh hưởng đến chính sách thuế.

- Tại mô tả của nhóm 84.19 có cụm từ "storage water heaters" đang được dịch là "thiết bị đun chứa nước nóng". Theo TCVN 5699-2-21 thì cụm từ này được dịch là "thiết bị đun nước nóng có dự trữ". Để thống nhất với quản lý chuyên ngành, Tổng cục hải quan đề xuất dịch lại thành "thiết bị đun nước nóng có dự trữ".

- Mã 8504.90.31 và mã 8504.90.41 có mô tả tiếng Anh "- - - Radiator panels; flat tube radiator assemblies of a kind used for distribution and power transformers", thuộc phân nhóm bộ phận của Máy biến điện, đang được dịch là "Tấm tản nhiệt; ống tản nhiệt đã lắp ráp thành dạng tấm phẳng dùng cho biến áp phân phối và biến áp nguồn". Mô tả tiếng Anh "radiator panels" đang thể hiện "số nhiều", được hiểu gồm nhiều tấm tản nhiệt. Tuy nhiên, có cách hiểu cho rằng việc dịch "tấm tản nhiệt" chỉ bao gồm tấm mỏng riêng lẻ, không bao gồm bộ phận tản nhiệt của máy biến điện do nhiều tấm ghép lại. Ngoài ra, bộ phận của máy biến điện được định danh chi tiết tại Danh mục gồm dạng tấm và dạng ống phẳng, do vậy, để tránh vướng mắc trong quá trình phân loại hàng hóa, đề xuất dịch lại thành "Tấm tản nhiệt (radiator panels); cụm tản nhiệt gồm các ống det đã lắp ráp dùng cho biến áp phân phối và biến áp nguồn."

- Nhóm 87.09 có cụm từ "tractors of the type used on railway station platforms", đang được dịch là "xe kéo loại chạy trên đường ray sân ga". Do theo mô tả tiếng Anh và theo Chú giải thì đây là loại xe kéo dùng để vận chuyển hàng hóa, hành lý trong sân ga. Do vậy, việc dịch là "chạy trên đường ray sân ga" dẫn đến nhiều vướng mắc trong thời gian vừa qua nên đề xuất dịch lại là "Xe kéo loại sử dụng trong sân ga xe lửa".

**3.2 Các dòng hàng còn lại đề xuất sửa đổi nhằm chỉnh lỗi chính tả hoặc dịch lại cho thống nhất trong toàn bộ Danh mục hoặc để sát nghĩa với mô tả tiếng Anh, ví dụ:**

- Sửa lỗi liên quan đến chính tả của dòng hàng 2936.23.00 có mô tả tiếng Anh “Vitamin B<sub>2</sub> ...”, đang dịch là “Vitamin B2”, do đó đề xuất sửa lại thành “B<sub>2</sub>”

- Điều chỉnh từ ngữ, chỉnh lý từ “hay” thành từ “hoặc” ở một số nhóm, phân nhóm (như, nhóm 16.04, 20.07, 22.06, 2301.20, 25.14, 25.15...) để phù hợp với ngôn ngữ trong văn bản quy phạm pháp luật. Việc điều chỉnh lý không làm ảnh hưởng đến phạm vi dòng hàng, do không làm thay đổi cách hiểu.

- Tại nhóm 48.11 có mô tả tiếng Anh “- Gummed or adhesive paper and paperboard”, tại Phiên bản 2017 có mô tả tiếng Việt là “- Giấy và bìa dính hoặc đã quét lớp keo dính.”, nay được dịch lại thành “- Giấy và bìa dính hoặc đã quét lớp kết dính.” để phù hợp với nội dung tại nhóm 35.06 từ “adhesive” đang được dịch thống nhất là “kết dính”.

- Tại mã số 5405.00.00 có thuật ngữ mô tả tiếng Anh “artificial straw” đang được dịch là “sợi giả rơm”, đề xuất dịch là là “sợi rơm nhân tạo”.

**3.3 Các dòng hàng có mô tả tiếng Anh mới (dòng hàng mới) bổ sung trong AHTN 2022 so với AHTN 2017: (Chi tiết tại Phụ lục 2)**

Trong số 16.726 dòng hàng của Danh mục, có 1.756 dòng hàng có mô tả tiếng Anh mới so với Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC, Thông tư 09/2019/TT-BTC do tách mã, chuyển mã, xóa dòng hàng hoặc mở dòng hàng nhằm chi tiết hóa mô tả của các nhóm hàng trong Danh mục AHTN 2017 hoặc để cập nhật các thay đổi về công nghệ, đặc tính thương mại, tiêu chuẩn môi trường phù hợp với tình hình thực tế.

Những thay đổi so với Danh mục Thông tư số 65/2017/TT-BTC và Thông tư số 09/2019/TT-BTC chủ yếu tập trung vào việc cập nhật những thay đổi về công nghệ, kỹ thuật, thương mại của một số nhóm hàng để phù hợp với tình hình thực tế, bao gồm: nhóm ô tô và phương tiện vận tải, hóa chất, dược phẩm và máy móc thiết bị. Cụ thể một số sửa đổi chính:

a) Ngành hàng thủy sản (Chương 03): Các mặt hàng “*Bột mịn, bột thô và viên, thích hợp dùng làm thức ăn cho người*” được gom lại thành một nhóm mới 03.09 để dễ kiểm soát, tạo thuận lợi cho phân loại và phản ánh xu hướng giao dịch thương mại quốc tế. Nhóm hàng này được gom lại từ 9 dòng hàng của 4 nhóm khác nhau trong Chương 03 (nhóm 03.05, 03.06, 03.07, 03.08) và được chi tiết theo các chủng loại và cách bảo quản khác nhau. Việc hình thành nhóm

mới 03.09 một mặt thuận lợi cho công tác thống kê, phân loại, kiểm soát chất lượng, mặt khác phù hợp với chính sách quản lý hiện hành.

b) Ngành hàng thuốc lá (Chương 24): Ngành hàng này được chi tiết thêm một nhóm mới 24.04 là *Sản phẩm chứa lá thuốc lá, thuốc lá hoàn nguyên, nicotine, hoặc các nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc các nguyên liệu thay thế nicotine, dùng để hút mà không cần đốt cháy; các sản phẩm khác chứa nicotine dùng để hấp thụ nicotine vào cơ thể con người*. Nhóm này được tách từ các mặt hàng của nhóm 38.24, 21.06 và 24.03. Việc chi tiết thêm nhóm hàng mới này giúp tăng cường kiểm soát mặt hàng thuốc lá điện tử và các sản phẩm chứa nguyên liệu thay thế lá thuốc lá hoặc nicotine. Đây là mặt hàng có nhiều quan điểm về việc sử dụng, mức độ ảnh hưởng và chính sách quản lý sử dụng trong thời gian qua.

c) Ngành hàng hóa chất (Chương 28, 29): Một số mặt hàng hóa chất được chi tiết thêm để phù hợp với các Nghị định thư và Công ước quốc tế, ví dụ như các dòng hàng để quản lý hàng hóa lưỡng dụng chứa chất phóng xạ và chất đồng vị tại phân nhóm 2844.4x, điều chỉnh cấu trúc nhóm 29.03 phù hợp với các sửa đổi của Nghị định thư Montreal; chi tiết thêm phân nhóm 2930.10 và sửa đổi các phân nhóm trong nhóm 29.31 và 29.33 theo Công ước về vũ khí hóa học, chi tiết thêm mặt hàng trichlorfon (ISO) và carbofuran (ISO) theo Công ước Rotterdam...

d) Ngành hàng dược phẩm (Chương 30): Để tạo thuận lợi cho việc kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng và phân loại các mặt hàng dễ lẫn, ngành hàng này có một số sửa đổi như sau:

+ Theo Danh mục HS 2022 thì Chương 30 có bổ sung, sửa đổi Chú giải pháp lý 1(ij), 4(e) để chuyển các chất thử chẩn đoán từ nhóm 30.02 và chất thử nhóm máu từ nhóm 30.06 về nhóm 38.22. Vì vậy, các bộ test chẩn đoán (ví dụ, chẩn đoán virus Zika, sốt rét, test Covid...) trước đây thuộc nhóm 38.22 hoặc 30.02 tùy thuộc thành phần thì tại Phiên bản 2022 được phân loại thuộc nhóm 38.22;

+ Phân nhóm 3002.19 bị xóa do không tồn tại sản phẩm trên thực tế;

+ Phân nhóm mới 3002.51 và 3002.59 chi tiết các sản phẩm *Tế bào nuôi cấy*. Phân nhóm mới 3006.93 chi tiết bộ thử nghiệm lâm sàng;

+ Nhóm 30.02 được sửa đổi để tạo thuận lợi cho việc kiểm soát một số hàng hóa lưỡng dụng. Ví dụ, các chất độc tố và các sản phẩm tương tự.

Những nội dung sửa đổi này tạo thuận lợi cho quản lý chuyên ngành, không ảnh hưởng đến chính sách thuế.

e) Ngành dệt may (Chương 50 đến 63): Về cơ bản, nhóm hàng này tại Danh mục AHTN 2022 không có sửa đổi đáng kể, gồm 1.180 dòng hàng, trong đó có 1.097 dòng hàng giữ nguyên như Danh mục AHTN 2017, 64 dòng hàng tách mới (chủ yếu tại nhóm 62.01, 62.02 về một số loại áo khoác do sửa đổi cấu trúc chi tiết theo vật liệu) và 19 dòng hàng gộp (chủ yếu tại nhóm 62.10 về quần áo khác được mô tả tại nhóm 62.01 và 62.02). Những nội dung sửa đổi này nhằm phản ánh xu hướng và mức độ trao đổi hàng mại, không ảnh hưởng đến chính sách thuế.

g) Máy móc, thiết bị (Chương 84, 85): Để phù hợp với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, một số mặt hàng mới đã được bổ sung và một số nhóm thay đổi cấu trúc:

+ Bổ sung nhóm hàng mới 84.85 cho *Máy móc cho công nghệ sản xuất bồi đắp* (công nghệ in 3D), phản ánh nhu cầu tăng trưởng không ngừng và xu hướng ứng dụng công nghệ trên thế giới.

+ Bổ sung phân nhóm mới 8414.70 cho *Tủ an toàn sinh học kín khí*, để kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng và thi hành các chính sách quản lý.

+ Bổ sung nhóm hàng mới 85.49 cho “*Phế liệu và phế thải điện và điện tử...*”: công nghệ càng phát triển thì vấn đề xử lý phế liệu, phế thải điện tử càng cần được quan tâm. Vì vậy, phiên bản HS2022 đã chi tiết thêm nhóm hàng mới này để thuận lợi cho các nước trong việc kiểm soát và áp dụng các chính sách quản lý đặc thù.

+ Cấu trúc nhóm 84.62 cho mặt hàng *Máy công cụ* được sửa đổi để phù hợp với sự phát triển của công nghệ do các loại máy có nhiều chức năng tích hợp và mức độ giao dịch thương mại.

+ Nhóm 85.25 cho mặt hàng *Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình...* được sửa đổi để tạo thuận lợi cho kiểm soát hàng hóa lưỡng dụng đối với các mặt hàng camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh.

h) Ngành ô tô, xe máy và phương tiện vận tải (Chương 86 đến 89): Theo sự phát triển của công nghệ và mức độ trao đổi thương mại, nhóm 87.04 *Xe có động cơ dùng để chở hàng* trước đây được cấu trúc theo 3 loại động cơ chạy xăng, chạy dầu, chạy điện, nay được cấu trúc lại theo 5 phân nhóm mới để phản ánh xu hướng phát triển của các mặt hàng động cơ kết hợp, cụ thể: loại động cơ “*chỉ chạy xăng*”, “*chỉ chạy dầu*”, loại “*kết hợp động cơ chạy xăng với động cơ điện*”, loại “*kết hợp động cơ chạy dầu với động cơ điện*”, loại “*chỉ chạy điện*”. Ngành hàng ô tô, xe máy bao gồm 237 dòng hàng, trong đó có 121 dòng hàng giữ nguyên như Danh mục AHTN 2017, 3 dòng hàng gộp và 113 dòng tách chủ

yêu tại nhóm 87.04 cho *Xe có động cơ dùng để chở hàng*. Do 113 dòng tách được giữ nguyên thuế suất hiện hành, cam kết WTO và các FTA, và 3 dòng gộp có mức thuế suất MFN và FTA bằng nhau, nên việc gộp dòng không tác động đến chính sách thuế hiện hành. Trong nhóm hàng các phương tiện vận tải khác, nội dung sửa đổi đáng chú ý nhất là việc chi tiết thêm một nhóm mới 88.06 cho *Máy bay không người lái* với 11 dòng hàng mới theo công dụng thiết kế và trọng lượng cất cánh tối đa, và nhóm 88.07 mới chi tiết cho bộ phận của máy bay không người lái của nhóm 88.06. Chính sách thuế hiện hành cho nhóm hàng này đang được áp dụng thống nhất mức thuế suất chung là 0%, vì vậy, các nội dung thay đổi không ảnh hưởng đến chính sách thuế.

### **3.4 Chú giải pháp lý**

Chú giải pháp lý tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam tuân theo đúng phiên bản AHTN 2022 và phiên bản HS 2022, áp dụng đối với tất cả các nước tham gia Công ước HS. Chú giải pháp lý phiên bản 2022 có:

- 172 nội dung mới so với Chú giải pháp lý phiên bản HS 2017 đã được chuyển đổi mô tả tiếng Việt (*chi tiết tại Phụ lục 3*)

- 50 nội dung bản dịch tiếng Việt đã được sửa đổi so với Danh mục ban hành kèm theo Thông tư số 65/2017/TT-BTC, Thông tư 09/2019/TT-BTC để đảm bảo sát nghĩa dịch thuật (*chi tiết tại Phụ lục 4*)

**3.5 Phụ lục II: 06 quy tắc tổng quát về phân loại hàng hóa:** (*Chi tiết tại Phụ lục II*).

Dự thảo 06 quy tắc tổng quát về phân loại hàng hóa tuân thủ theo phần tiếng Anh của Tổ chức Hải quan Thế giới. Về cơ bản, dự thảo này kế thừa nội dung được quy định tại Thông tư số 65/2017/TT-BTC, Thông tư số 09/2019/TT-BTC, không thay đổi về phạm vi và nội dung cơ bản, có một số điều chỉnh nhỏ để đảm bảo sát ngôn ngữ tiếng Anh. Các đề xuất sửa đổi này nhằm đảm bảo sát nghĩa tiếng Anh, thuận lợi khi áp dụng, không làm thay đổi bản chất các quy tắc.